

Bản án số: 87 /2021/HS-ST
Ngày 25/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Danh Long và ông Trần Khắc Viện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 (sáu) năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 93/2020/TLST-HS ngày 14/9/2020 đối với các bị cáo:

1. Phí Văn P, sinh ngày 01/8/1988 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông Phí Văn Th, sinh năm 1955 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1960; anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ ba; Vợ: Âu Thị T, sinh năm 1991 (Đã ly hôn); con: Có 01 con sinh năm 2008; tiền sự: Không.

Tiền án:

+ Bản án số 79/2012/HSPT ngày 07/3/2012 của TAND tỉnh Đắk Lak, xử phạt Phí Văn P. 03 năm tù về tội Cướp giật tài sản. Ngày 25/11/2013, P. đã nộp xong phần án phí. Ngày 06/02/2014, P. chấp hành xong hình phạt tù.

+ Bản án số 137/2015/HSST ngày 07/5/2015 của TAND thành phố B. xử phạt Phí Văn P. 01 năm 6 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 14/7/2016, P. chấp hành xong hình phạt tù. Hiện, P. đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm nhưng chưa nộp số tiền truy thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Bản án số 47/2017/HSST ngày 18/7/2017 của TAND huyện S. xử phạt 02 năm 3 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 08/7/2019, P. đã chấp hành xong án phạt tù.

Nhân thân:

+ Ngày 31/12/2019, Công an huyện Y. ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Bản án số 35/2020/HSST ngày 13/5/2020 của TAND huyện Y. xử phạt Phí Văn P. 02 năm 9 (chín) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Bản án số 31/2020/HSST ngày 26/6/2020 của TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Phí Văn P. 48 tháng tù. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 35/2020/HSST ngày 13/5/2020 của TAND huyện Y, buộc Phí Văn P. chịu hình phạt chung là 06 (sáu) năm 9 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019

+ Bản án số 04/2020/HSST ngày 06/11/2020 của TAND huyện C, tỉnh Bắc Kạn xử phạt Phí Văn P. 02 năm 6 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 31/2020/HSST ngày 26/6/2020 của TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung của 02 bản án là 09 năm 3 tháng tù.

+ Bản án số 27/2020/HSST ngày 30/11/2020 của TAND huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn xử phạt Phí Văn P. 02 năm 6 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Bản án số 02/2021/HSST ngày 26/01/2021 của TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 48 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 04/2020/HSST ngày 06/11/2020 của TAND huyện C. và bản án số 27/2020/HSST ngày 30/11/2020 của TAND huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn, buộc Phí Văn P. chịu hình phạt chung là 15 (mười lăm) năm 9 (chín) tháng tù

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Q, Cục C10, Bộ Công an.

2. Phạm Văn Q, sinh ngày 10/6/1974 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/12; con ông: Phạm Văn T. và bà Nguyễn Thị H. (đều đã chết); anh chị em ruột: Có 06 người, bị cáo là con thứ ba; Vợ: Trần Thị Th, sinh năm 1983; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 2001. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 31/12/2019, Công an huyện Y. ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Bản án số 35/2020/HSST ngày 13/5/2020 của TAND huyện Y. xử phạt Phạm Văn Q. 01 năm 3 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Vũ Xuân C, sinh ngày 03/4/1994 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Nơi cư trú: Thôn N (nay là Xóm P), xã Ph, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; con ông Vũ Xuân T, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ ba; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 27/3/2017, Vũ Xuân C. bị Công an xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt hành chính, phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản (Đã nộp phạt ngày 27/3/2017)

+ Bản án số 31/2020/HSST ngày 26/6/2020 của TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Vũ Xuân C. 26 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 01/01/2020.

+ Bản án số 04/2020/HSST ngày 06/11/2020 của TAND huyện C, tỉnh Bắc Kạn xử phạt Vũ Xuân C. 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 31/2020/HSST ngày 26/6/2020 của TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung của 02 bản án là 38 tháng tù.

+ Bản án số 27/2020/HSST ngày 30/11/2020 của TAND huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn xử phạt Vũ Xuân C. 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Bản án số 02/2021/HSST ngày 26/01/2021 của TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 04/2020/HSST ngày 06/11/2020 của TAND huyện C. và bản án số 27/2020/HSST ngày 30/11/2020 của TAND huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn, buộc Vũ Xuân C. chịu hình phạt chung là 06 (sáu) năm 8 (tám) tháng tù.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam S, Cục C10, Bộ Công an.

*** Bị hại:**

1. Anh Nông Quang T, sinh năm 2001

Nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

2. Chị Lê Thị Th, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn K, xã Kh, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(Đều vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1967

Nơi cư trú: thôn R, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Hiện đang chấp hành án tại trại giam S, cục C10, Bộ công an

2. Anh Nghiêm Xuân T, sinh năm 1993,

Nơi cư trú: thôn L, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2019, Phí Văn P, Phạm Văn Q. và Vũ Xuân C. đã có hành vi trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện S, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Lần 1: Khoảng 07 giờ ngày 02/10/2019, Phí Văn P. gọi điện thoại cho Phạm Văn Q. rủ Q. cùng đi trộm cắp tài sản, Q. đồng ý và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 20C – 105.02 của Q. chở P. đi đến khu vực huyện Sơn Dương để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến thôn Q, xã T, huyện S, hai người gặp một đám cưới của người dân, P. xuống xe và đi bộ quan sát thấy có 01 xe mô tô hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 22S2 –

2218 của anh Nông Quang T. đang dựng gần cửa nhà dân không có người trông coi (Đăng ký xe tên Nông Văn D, sinh năm 1975, trú tại thôn M, xã B, huyện S do T. điều khiển đi sang xã Y. ăn cưới). P. dùng vạm phá khóa chữ T bằng kim loại (chuẩn bị từ trước) phá ổ khóa điện rồi điều khiển xe đi đến gần UBND xã Y. thì gặp Q. đang đứng đợi ở lề đường, P. đi qua chỗ Q. rồi gọi điện thoại báo Q. “*về thôi anh, em trộm được xe rồi*”, P. điều khiển xe đi trước đến một đoạn đường vắng thuộc xã B, huyện Đ thì dừng lại đợi. Biết P. đã trộm cắp được xe nhưng do có việc nên Q. nói là không quay lại nhà P. nữa mà đi về trước. P. tháo biển số xe vừa trộm cắp được vớt ở một con suối gần đó rồi điều khiển xe đi đến một cửa hàng thu mua phế liệu ở huyện Đ mua 01 biển số xe 20M2 – 4472 lắp vào xe mô tô vừa trộm cắp. Chiếc xe mô tô trên, P. bán cho Hoàng Văn H. giá 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*). Khi bán xe, P. nói đó là xe của P, giấy tờ xe bị mất hiện đang làm lại giấy tờ, H. đồng ý mua chiếc xe và bảo P.: “*Lúc nào xong giấy tờ thì đem đến cho anh*”. Sau đó H. bán lại xe trên cho Nghiêm Xuân T. giá 8.700.000 đồng (*Tám triệu bảy trăm nghìn đồng*). Số tiền P. bán xe, một phần P. sử dụng để mua ma túy cùng Q. sử dụng, một phần P. sử dụng chi tiêu cá nhân.

Lần 2: Khoảng 08 giờ, ngày 08/12/2019, Phí Văn P. rủ Vũ Xuân C. đi đến địa bàn huyện S. để trộm cắp xe mô tô, C. đồng ý và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 29Z5 – 1404 của P. chở P. đến khu vực chợ KH. thuộc thôn Tr, xã Kh, huyện S tìm tài sản để trộm cắp. Tại đây, P. thấy có 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đỏ, đen, biển kiểm soát 22S1 – 7738 của chị Lê Thị Th. dựng ở gần cổng chợ không có người trông coi. P. bảo C. ngồi đợi ở quán ăn gần đó cảnh giới còn P. đi bộ đến vị trí dựng xe mô tô trên, dùng vạm phá khóa hình chữ T phá ổ khóa điện rồi điều khiển xe đi, C. cũng điều khiển xe đi theo sau. Khi đi được khoảng 300m thì cả hai gặp Tổ cảnh sát giao thông Công an huyện S. đang tuần tra. Sợ bị phát hiện, P. và C. quay xe đi đến một ngôi nhà hoang ven đường và bỏ xe mô tô trộm cắp ở đó rồi đi về. Xe mô tô trên sau đó đã được người dân phát hiện và trả lại cho chị Th.

Tại Kết luận số 26/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 31/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sơn Dương kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt xe mô tô Honda Dream biển kiểm soát 22S2 – 2218 trị giá 6.195.000 đồng và xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 22S1 – 7738 trị giá 3.560.000 đồng. Tổng giá trị của 02 xe là: 9.755.000 đồng (*Chín triệu bảy trăm năm năm nghìn đồng*).

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 94/CT-VKSSD ngày 11 tháng 9 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Phí Văn P, Vũ Xuân C, Phạm Văn Q. về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phí Văn P, Vũ Xuân C, Phạm Văn Q. phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 17, 58, 56 - Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Phí Văn P.** từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 15 (mười lăm) năm 9 (chín) tháng tù của bản án số 02/2021/HSST ngày 26/01/2021 của TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên buộc bị cáo

chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án từ 18 (mười tám) năm 9 (chín) tháng đến 19 (mười chín) năm 3 (ba) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 17, 58 - Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Phạm Văn Q.** từ 9 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 17, 58, 56 - Bộ luật Hình sự; xử phạt Bị cáo **Vũ Xuân C.** từ 8 (tám) tháng đến 11 (mười một) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 06 (sáu) năm 8 (tám) tháng tù của bản án số 02/2021/HSST ngày 26/01/2021 của TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án từ 07 (bảy) năm 4 (bốn) tháng đến 07 (bảy) năm 7 (bảy) tháng tù.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo và buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo; bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Khi nói lời sau cùng các bị cáo P. và C. nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên không có ý kiến gì. Bị cáo Q. nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị hại anh Nông Quang T. khai tại cơ quan điều tra (BL số: 238 - 243) thể hiện: Ngày 02/10/2019 anh có bị mất 01 xe mô tô hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 22S2 – 2218 (Đăng ký xe tên bố anh là Nông Văn D.). Hiện anh đã nhận lại được xe mô tô, về dân sự anh không yêu cầu bồi thường gì thêm. Về hành vi của các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Chị Lê Thị Th. khai tại cơ quan điều tra (BL số: 244 - 249) thể hiện: ngày 08/12/2019 chị có bị mất 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đỏ, đen, biển kiểm soát 22S1 – 7738. Hiện chị đã nhận lại xe, về dân sự chị không yêu cầu bồi thường gì thêm. Về hành vi của các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khai tại cơ quan điều tra, anh Hoàng Văn H. (BL số: 338 - 345) và anh Nghiêm Xuân T. (BL số: 346 - 356) thể hiện: Trong tháng 10/2019 anh Hoàng Văn H. có được mua của bị cáo Phí Văn P. 01 xe mô tô hiệu Honda Dream, màu sơn nâu với giá 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*), anh Nghiêm Xuân T. có được mua lại chiếc xe mô tô trên của anh H. với giá 8.700.000 đồng (*Tám triệu bảy trăm nghìn đồng*). Khi mua xe anh H. và T. không biết là xe do phạm tội mà có, chiếc xe trên đã được cơ quan điều tra thu hồi trả lại cho người bị hại. Về dân sự các anh không có yêu cầu bồi thường gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Phí Văn P, Vũ

Xuân C, Phạm Văn Q. tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và cáo trạng truy tố đối với các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh qua biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong ngày 02/10/2019 và ngày 08/12/2019, các bị cáo Phí Văn P, Phạm Văn Q. và Vũ Xuân C. đã có hành vi trộm cắp tài sản (xe mô tô) trên địa bàn huyện Sơn Dương với tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 9.755.000 đồng (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), cụ thể:

- Ngày 02/10/2019, tại thôn Q, xã T, huyện S, các bị cáo Phí Văn P. và Phạm Văn Q. có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô Honda Dream biển kiểm soát 22S2 – 2218 trị giá 6.195.000 đồng (Sáu triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng) của anh Nông Quang T.

- Ngày 08/12/2019, tại thôn Tr, xã Kh, huyện S, các bị cáo Phí Văn P. và Vũ Xuân C. có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 22S1 – 7738 trị giá 3.560.000 đồng (Ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) của chị Lê Thị Th.

Các bị cáo là người có năng lực hành vi dân sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và đã có hành vi trộm cắp xe mô tô để lấy tiền. Hành vi của các bị cáo được thực hiện dưới hình thức lẩn tránh ý trực tiếp. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có cơ sở, cần chấp nhận.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội lần này, Bị cáo Phí Văn P. đã nhiều lần bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

Ngày 7/3/2012 bị TAND tỉnh Đắk Lak xử phạt 03 năm tù về tội Cướp giật tài sản (Bản án số 79/2012/HSPT)

Ngày 07/5/2015 bị TAND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 6 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 137/2015/HSST)

Ngày 18/7/2017 bị TAND huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 02 năm 3 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 47/2017/HSST)

Cả 03 bản án trên đều chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nhưng đã được dùng làm tình tiết định khung nên không xem xét áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo.

Đồng thời trong vụ án này bị cáo P. còn 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản trộm cắp của mỗi lần đều đủ định lượng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội từ 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Vũ Xuân C. và Phạm Văn Q. không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Phí Văn P, Vũ Xuân C, Phạm Văn Q. được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Q. có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo Q. để lên mức án cho phù hợp.

[3] Về mức án đối với các bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu để trộm cắp. Hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Trong đó bị cáo P. là người mang theo vạm phá khóa và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp xe, bị cáo C. và Q. là người điều khiển xe mô tô chở P. đi và cảnh giới cho P. thực hiện hành vi trộm cắp. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, là những người sử dụng và nghiện chất ma túy; ngoài lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện S, tỉnh Tuyên Quang các bị cáo còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên nhiều địa bàn của các địa phương khác và đã bị TAND ở các địa phương đó xét xử. Do vậy, cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Xét nhân thân và mức độ phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Bị cáo P. là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ, P. tiện phạm tội, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tham gia cả 02 lần nên bị cáo giữ vai trò chính, cần xử bị cáo mức án cao nhất. Bị cáo C. và Q. là người thực hành tích cực, mặc dù giá trị tài sản bị cáo Q. trộm cắp cao hơn nhưng bị cáo C. ngoài lần phạm tội này còn cùng P. thực hiện nhiều hành vi trộm cắp tài sản trên nhiều địa bàn khác nhau nên vai trò các bị cáo ngang nhau, cần xử các bị cáo mức án tương đương nhau.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

Hiện tại, các bị cáo Phí Văn P. và Vũ Xuân C. đang chấp hành án theo bản án số 02/2021/HSST ngày 26/01/2021 của TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và Quyết định thi hành án hình phạt tù số 27, 28/2021/QĐ-CA ngày 23/4/2021 của Chánh án TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Do vậy, cần tổng hợp hình phạt buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[4] Về dân sự: Những người bị hại đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét

[5] Về vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện Sơn Dương thu giữ 01 Biên kiểm soát 20M2 – 4472, đây là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về các vấn đề khác:

Đối với Hoàng Văn H. và Nghiêm Xuân T. đã mua xe mô tô Honda Dream của bị cáo Phí Văn P. nhưng không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có, cơ quan điều tra không đề cập xử lý nên không xem xét.

Đối với số tiền anh Nghiêm Xuân T. mua lại xe của anh Hoàng Văn H, do anh T. không có yêu cầu anh H. hoàn trả lại nên không xem xét

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo Phí Văn P, Vũ Xuân C, Phạm Văn Q. , mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 173 - Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Các bị cáo Phí Văn P, Vũ Xuân C, Phạm Văn Q. phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 56, 58 - Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **Phí Văn P. 03** (ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt 15 (mười lăm) năm 9 (chín) tháng tù của bản án số 02/2021/HSST ngày 26/01/2021 của TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 18 (mười tám) năm 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 56, 58 - Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **Vũ Xuân C. 10** (mười) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 06 (sáu) năm 8 (tám) tháng tù của bản án số 02/2021/HSST ngày 26/01/2021 của TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 07 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/01/2020.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 58 - Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn Q. 10** (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào trại thi hành án.

5. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát 20M2 – 4472 là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/9/2020 giữa Công an huyện Sơn Dương với Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương)

5. Căn cứ vào: Điều 331, Điều 333 - Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về án phí: Các bị cáo Phí Văn P, Vũ Xuân C, Phạm Văn Q, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnh TQ;
- VKS ND huyện SD;
- Cơ quan CSĐT CA huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã Đ, huyện Đ;
- UBND xã P, huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến